

Số: 676 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 21 tháng 8 năm 2023

### QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ Y tế, Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết xác định mức độ khuyết tật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Thực hiện Quyết định số 3178/QĐ-BYT ngày 11/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công bố thủ tục hành chính quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này 03 Danh mục thủ tục hành chính (*Phụ lục I*) quy định tại Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Bãi bỏ 06 Danh mục thủ tục hành chính (*Phụ lục II*) tại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Y tế, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Lao động-Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*can*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC, VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các Phó CVP;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- VNPT Ninh Bình;
- Lưu: VT, VP6, VP7.  
MT46/VP7/CB-TTHC- NNPTNT

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Tổng Quang Thìn**

## Phụ lục I

### DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH NGÀY 28/12/2012 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ, BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI QUY ĐỊNH CHI TIẾT XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT DO SỞ Y TẾ (HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH Y KHOA) THỰC HIỆN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)

#### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

#### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

#### THỦ TỤC HÀNH CHÍNH QUY ĐỊNH TẠI THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH NGÀY 28/12/2012 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ, BỘ TRƯỞNG BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI QUY ĐỊNH CHI TIẾT XÁC ĐỊNH MỨC ĐỘ KHUYẾT DO SỞ Y TẾ (HỘI ĐỒNG GIÁM ĐỊNH Y KHOA) THỰC HIỆN

| TT                                 | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                            | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có)  | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý  | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|------------------------------------|--|--|--|---|----------------------------|---|-------------------------|----------|
|                                    |  |  |  |   |                            |   | Toàn trình              | Một phần |
| <b>Lĩnh vực Giám định – Y khoa</b> |  |  |  |   |                            |   |                         |          |
| 1                                  | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trung tâm GDYK tỉnh Ninh Bình địa chỉ: số 312, đường Hải Thượng Lãn Ông, | Phí: (Căn cứ Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí | X                          | 1. Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;<br>2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;<br>3. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện |                         | X        |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có)                  | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý   | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|----|--------------------------|---------------------|--|---------------------------------------|----------------------------|--|-------------------------|----------|
|    |                          |                     |  |                                       |                            |  | Toàn trình              | Một phần |
|    | (1.011798.000.00.00.H42) |                     | phố Phúc Thịnh, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình | thẩm định cấp giấy giám định y khoa). |                            | <p>pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;</p> <p>4. Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;</p> <p>5. Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>6. Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện.</p> <p>7. Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01 tháng 02 năm</p> |                         |          |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết                            | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý  | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|----|---|--|--|--|----------------------------|---|-------------------------|----------|
|    |   |  |  |  |                            |   | Toàn trình              | Một phần |
|    |   |  |  |  |                            | 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.  |                         |          |
| 2  | <p>Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác</p> <p>(1.011799.000.00.00.H42)</p> | 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | <p>Trung tâm GĐYK tỉnh Ninh Bình địa chỉ: số 312, đường Hải Thượng Lãn Ông, phố Phúc Thịnh, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình</p> | <p>Phí: (Căn cứ Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa).</p> | X                          | <p>1. Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;<br/> 2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;<br/> 3. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;<br/> 4. Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;<br/> 5. Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm</p> |                         | X        |

| TT | Tên thủ tục hành chính   | Thời hạn giải quyết                            | Địa điểm thực hiện                        | Phí, lệ phí (nếu có)                                  | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý   | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|----|--|--|---|---|----------------------------|--|-------------------------|----------|
|    |  |  |   |   |                            |  | Toàn trình              | Một phần |
|    |  |  |   |   |                            | <p>2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>6. Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện.</p> <p>7. Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.</p> |                         |          |
| 3  | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật hoặc đại diện người khuyết tật (cá nhân, | 95 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ | Trung tâm GĐYK tỉnh Ninh Bình địa chỉ: số | Phí: (Căn cứ Thông tư 243/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 | X                          | <p>1. Luật người khuyết tật số 51/2010/QH12 năm 2010;</p> <p>2. Nghị định số 28/2012/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ quy</p>  |                         | X        |

| TT | Tên thủ tục hành chính  | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện   | Phí, lệ phí (nếu có)   | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý   | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|----|---|---------------------|--|--|----------------------------|--|-------------------------|----------|
|    |   |                     |  |  |                            |  | Toàn trình              | Một phần |
|    | <p>ơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định</p> <p>(1.011800.000.00.00.H42)</p> |                     | <p>312, đường Hải Thượng Lãn Ông, phố Phúc Thịnh, phường Phúc Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình</p> | <p>quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp giấy giám định y khoa).</p> |                            | <p>định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật người khuyết tật;</p> <p>3. Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng;</p> <p>4. Nghị định số 95/2022/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;</p> <p>5. Nghị định số 62/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;</p> <p>6. Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Y tế và</p> |                         |          |

| TT | Tên thủ tục hành chính | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện | Phí, lệ phí (nếu có) | Thực hiện qua dịch vụ BCCI | Căn cứ pháp lý   | Dịch vụ công trực tuyến |          |
|----|------------------------|---------------------|--------------------|----------------------|----------------------------|--|-------------------------|----------|
|    |                        |                     |                    |                      |                            |  | Toàn trình              | Một phần |
|    |                        |                     |                    |                      |                            | <p>Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng giám định y khoa thực hiện.</p> <p>7. Thông tư số 01/2023/TT-BYT ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết về hoạt động và mối quan hệ công tác của Hội đồng Giám định y khoa các cấp.</p> |                         |          |



**Phụ lục II**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ  
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ TỈNH NINH BÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

| <b>TT</b>                          | <b>Mã số thủ tục hành chính</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>  | <b>Căn cứ pháp lý quy định bãi bỏ thủ tục hành chính</b>   | <b>Ghi chú</b>   |
|------------------------------------|---------------------------------|--|--|--|
| <b>Lĩnh vực Giám định – Y khoa</b> |                                 |  |  |  |
| 1                                  | 1.000278.000.00.00.H42          | Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật   | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLĐTBXH Ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện | Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 32/QĐ- UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. |
| 2                                  | 1.000276.000.00.00.H42          | Khám Giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLĐTBXH Ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện | Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 32/QĐ- UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. |

|   |                        |  |  |  |
|---|------------------------|--|--|--|
| 3 | 1.000272.000.00.00.H42 | Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác   | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLĐTBXH Ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện | Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 32/QĐ- UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. |
| 4 | 1.000269.000.00.00.H42 | Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLĐTBXH Ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện | Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 32/QĐ- UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. |
| 5 | 1.000262.000.00.00.H42 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định  | Thông tư liên tịch số 34/2012/TTLT-BYT- BLĐTBXH Ngày 28/12/2012 của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết về việc xác định mức độ khuyết tật do Hội đồng Giám định y khoa thực hiện | Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 32/QĐ- UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. |

|   |                        |  |   |   |
|---|------------------------|--|---|---|
| 6 | 1.000439.000.00.00.H42 | Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa cấp tỉnh | TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Hội đồng giám định y khoa trung ương (Quyết định số 4760/QĐ-BYT ngày 09/11/2015 của Bộ Y tế) | Thủ tục hành chính này được ban hành tại Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 06/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Ninh Bình. |
|---|------------------------|--|---|---|

**Phụ lục II**

**BIỂU PHÍ KHÁM GIÁM ĐỊNH Y KHOA**

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2023 của UBND tỉnh Ninh Bình)

| <b>STT</b> | <b>Nội dung</b>  | <b>Mức thu<br/>(đồng/trường hợp)</b> |
|------------|--|--------------------------------------|
| <b>1</b>   | <b>Khám lâm sàng phục vụ giám định y khoa</b>  | 1.150.000                            |
| <b>2</b>   | <b>Khám cận lâm sàng phục vụ giám định y khoa</b>  |                                      |
| 2.1        | Ghi điện não đồ  | 155.000                              |
| 2.2        | Siêu âm 2D   | 150.000                              |
| 2.3        | Siêu âm 3D, 4D   | 250.000                              |
| 2.4        | Ghi điện tâm đồ  | 135.000                              |
| 2.5        | Chụp phim X-quang  | 165.000                              |
| 2.6        | Chụp CT Scanner  | 1.102.000                            |
| 2.7        | Chụp cộng hưởng từ (MRI)   | 1.702.000                            |
| 2.8        | Chụp cắt lớp 3D (MSCT)   | 2.772.000                            |
| 2.9        | Đo thông khí phổi  | 135.000                              |
| 2.10       | Đo điện cơ   | 185.000                              |
| 2.11       | Các xét nghiệm thường quy: Bao gồm làm một hoặc các xét nghiệm cơ bản, thông thường, như: Công thức máu; các xét nghiệm máu về các chỉ số sinh hóa cơ bản (Glucose, Ure, Creatinin, axit Uric), FT3, FT4, TSH, điện giải đồ, nước tiểu 10 thông số   | 135.000                              |
| 2.12       | Các xét nghiệm khác: Bao gồm làm một hoặc không quá ba chỉ số sinh hóa đặc biệt, như: Protein, Albumin, Globulin, Cholesterol toàn phần, Triglycerit, HbA1C, SGOT, SGPT, HBsAg, HIV (test nhanh), HDL, LDL, Cho, αFP, PSA.T, PSA.F, PTH, CEA, Cyfra 21-1, Pro BNP, Pro GRT, LDH, AFP, HbeAg, Anti HBV, Anti HBE, Anti HCV, nghiệm pháp tăng đường huyết, xét nghiệm tim BK | 153.000                              |
| 2.13       | Các chỉ số xét nghiệm nước tiểu: Tổng phân tích nước tiểu, porphyrin (định tính), Protein niệu, Creatinin niệu, Amylase niệu, Photphotaza kiềm, lipase, điện giải đồ niệu, ly tâm nước dịch chẩn đoán tế bào:  | 200.000                              |

|      |  |         |
|------|--|---------|
| 2.14 | Đo thính lực đơn âm, đo nhĩ lượng, đo phản xạ gân cơ bàn đạp, đo điện thính giác thân não (ABR), đo âm ốc tai (OAE), đo đáp ứng trạng thái bền vững thính giác (ABSR): | 500.000 |
|------|--|---------|

**Ghi chú:**

- Trường hợp có chỉ định làm từ bốn chỉ số sinh hóa đặc biệt trở lên thì mức thu tiền từ chỉ số thứ tư này được thu theo mức thu của Bệnh viện đa khoa cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong cùng một tỉnh, thành phố với cơ sở giám định y khoa.
- Để phục vụ cho việc chẩn đoán bệnh, tật, cơ sở giám định y khoa có thể chỉ định người được khám giám định thực hiện khám tại cơ sở y tế khác. Trường hợp chỉ định khám các nội dung trong Biểu nêu trên thì cơ sở giám định chi trả chi phí; trường hợp chỉ định khám ngoài các nội dung trong Biểu nêu trên thì người được giám định y khoa phải chi trả chi phí khám cho cơ sở thực hiện việc khám./.